

Bản án số:10/2024/DS-ST
Ngày 14/5/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Nhị Hường
2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Cao Trọng Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Thùy -Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/9/2023; 29/9/2023 và ngày 07/5/2024, ngày 14/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 08 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/DSST – QĐ ngày 05/09/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 18/2023/QĐST – DS ngày 15/9/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 38/2023/QĐST – DS ngày 29/9/2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 03/TB- TA ngày 09/04/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/DSST – DS ngày 09/04/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2024/QĐST – DS ngày 07/05/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1989 (Có mặt ngày ngày 15/09/2023, vắng mặt ngày 29/9/2023, ngày 07/5/2024, ngày 14/5/2023).

Địa chỉ: ấp Hiệp Thành Tâm, xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T:

1. Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 473 C1, khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1986 (Vắng mặt có mặt anh P).

Địa chỉ: Thôn T An, xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

3. Chị PH Hương L, sinh năm 1986 (Vắng mặt có mặt anh P)

Địa chỉ: Khu phố Thanh Xuân, thị Trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Bùi Hữu D, sinh năm: 1978. (Có mặt ngày 15/9/2023; Ngày 29/09/2023; Ngày 07/5/2024; Vắng mặt ngày 14/5/2024

Địa chỉ: ấp 5, xã An Khương, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1980 (Có mặt ngày 15/9/2023 và ngày 29/09/2023; Vắng mặt ngày 07/5/2023 và ngày 14/5/2023).

Địa chỉ: Địa chỉ: ấp 5, xã An Khương, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Ông Hồ Huy H, sinh năm 1984. (Vắng mặt có đơn xin vắng).

Địa chỉ: ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P thống nhất trình bày:

Ngày 09/7/2022 bà Nguyễn Thị T có cho ông Bùi Hữu D vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, khi vay các bên có ký giấy vay tiền đề ngày ngày 09/7/2022, ban đầu hạn thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày vay. Còn nội dung đề ngày vay tiền là ngày 09/7/2022 vay trong vòng 60 ngày nhưng ngày 04/5/2023 mới trả là do ngày 07/09/2023 tại thời điểm bà T cho ông D vay tiền ông D hẹn trả nhiều lần nhưng không trả nên hai bên thống nhất viết lại giấy vay tiền. Ông D yêu cầu giấy vay tiền mới phải viết lại ngày 09/07/2022, còn ngày trả trong là ngày 04/5/2023. Đến thời hạn ngày 04/5/2023 bà T đã nhiều lần yêu cầu ông Bùi Hữu D trả tiền vay nhưng ông D không trả nên bà T mới khởi kiện.

Đồng thời mục đích ông D vay tiền mua đất nên vợ của ông Bùi Hữu D là bà Nguyễn Thị Hồng T phải cùng có nghĩa với ông D trả tiền cho bà Nguyễn Thị T.

Nay bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ông Bùi Hữu D, bà Nguyễn Thị Hồng T như sau:

-Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay là 1.000.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm từ ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 30/5/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

-Giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2023/QĐ-BPKCTT ngày 06/06/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Hữu D trình bày:

Tại phiên tòa ngày 07/05/2024 ông Bùi Hữu D xác định giấy vay tiền ngày 07/9/2022 ông D là người ký tên và ghi họ tên trong giấy vay tiền. Đồng thời số tiền vay 1.000.000.000 đồng là đúng. Tuy nhiên sau khi vay thì ông D đã chuyển cho ông

H số tiền là 600.000.000 đồng tiền lãi, đồng thời bà T có làm nhiều đơn ngăn chặn đối với các thửa đất mà ông D đứng tên và bà T có hành vi đến nhà ông D gây rối từ đó làm ảnh hưởng đến uy tín của ông D dẫn đến không chuyển nhượng D đất. Sau khi bà T nộp đơn tại Tòa án thì giữa bà T và ông D có thỏa thuận gia hạn trả nợ vào ngày 10/6/2023 gia hạn 4 tháng, tuy nhiên ông D chỉ cung cấp D hình ảnh chụp qua bản phô tô, còn bản chính bà T giữ.

Do ông D đã trả lãi cho bà T số tiền 600.000.000 đồng thông qua ông Hồ Huy H và bà T đã có hành vi xúc phạm ông D nên ông D không đồng ý trả lại tiền gốc và lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Việc vay mượn tiền giữa ông Bùi Hữu D và bà Nguyễn Thị T thì bà Nguyễn Thị Hồng T không biết nhưng bà T có chuyển 01 lần lãi suất 60.000.000 đồng thông qua ông Hồ Huy H cho bà Nguyễn Thị T. Bà T không đồng ý cùng ông D trả 1.000.000.000 đồng và lãi suất cho bà T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan ông Hồ Huy H trình bày:

Ông Hồ H và bà Nguyễn Thị T là bạn bè, ông H có chứng kiến việc bà T có cho ông D vay 1.000.000.000 đồng. Ngoài ra ông H không biết gì hay L quan gì đối với khoản vay của ông D đối với bà T. Do việc bận đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt ông H trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 465 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015 nghị HĐXX xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Bùi Hữu D trả nợ gốc 1.000.000.000đ và lãi suất theo quy định.

Án phí và lệ phí các bên phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã D xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ông Bùi Hữu D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Ông Bùi Hữu D có nơi cư trú tại xã An Khương, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của ông Bùi Hữu D tại phiên tòa ngày 14/5/2024. Tại phiên tòa ngày 07/05/2024, tòa án nhân dân huyện Hớn Quản có quyết định tạm ngừng phiên tòa mục đích để thực hiện việc đối chất giữa ông Bùi Hữu D với bà

Nguyễn Thị T và ông Hồ Huy H, đồng thời đã tổng đạt Quyết định tạm ngừng phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 14/5/2024 nhưng ông D vắng mặt nên tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Đối với bà Nguyễn Thị Hồng T đã D tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa ngày 07/5/2024 và ngày 15/05/2024 nên tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Đối với ông Hồ Huy H vắng mặt nhưng có ý kiến xin giải quyết vắng mặt nên tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Đối với chồng bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn Văn Sơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định số tiền 1.000.000.000 đồng là tài sản riêng của bà T không L quan đến ông Sơn nên từ chối tham gia tố tụng và không có ý kiến gì trong vụ án.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Bùi Hữu D trả số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, bà T giao nộp bản chính giấy vay tiền ngày 09/7/2022. Tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Hữu D thừa nhận trong giấy vay tiền là chữ ký và chữ viết của ông Bùi Hữu D, đồng thời ông D cũng thừa nhận có vay bà T 1.000.000.000 đồng. Những nội dung này các đương sự đều thừa nhận tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận các nội dung trên là sự thật.

[2.1]. Xét giấy vay tiền ngày 09/7/2022, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa ông D, và người đại diện theo ủy quyền của bà T đều thừa nhận ông D là người viết và ký tên trong giấy vay tiền. Những nội dung trong giấy vay tiền ông D đều thừa nhận tại phiên tòa ngày 07/05/2024. Do đó, những nội dung trong giấy vay tiền có giá trị thi hành đối với các bên và D pháp luật thừa nhận.

[2.2]. Về nghĩa vụ trả nợ:

Theo nội dung giấy vay tiền thì ông D vay của bà T với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng, tại phiên tòa ông D cũng thừa nhận là vay bà T 1.000.000.000 đồng, qua nhiều lần hẹn các bên chốt lại ngày trả nợ là ngày 4/5/2023.

Tại phiên tòa ngày 07/05/2024 ông D thừa nhận có vay bà T 1.000.000.000 đồng nhưng đã trả lãi suất thông qua ông H số tiền 600.000.000 đồng và bà T đã có hành vi xúc phạm danh dự của ông D nên ông D không trả.

Tại các phiên tòa, ông D trình bày giữa ông Bùi Hữu D và bà Nguyễn Thị T có thỏa thuận gia hạn ngày trả nợ ngày 10/6/2023 tuy nhiên ông D không cung cấp D bản chính mà chỉ cung cấp bản ảnh chụp qua màn hình điện thoại. Tại phiên tòa ngày 15/09/2023 ban đầu bà T xác định có ký nhận với ông D một số giấy tờ nhưng không xác định là giấy nào, sau đó bà T và người đại diện theo ủy quyền không thừa nhận có ký thỏa thuận gia hạn thời gian trả nợ với ông D vào ngày 10/06/2023. Theo yêu cầu của ông D, Tòa án đã tiến hành giám định nhưng Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an

tỉnh Bình Phước xác định không giám định D nên không có cơ sở khẳng định giữa bà T và ông D có thỏa thuận gia hạn trả nợ.

Do đó có căn cứ theo giấy vay tiền ngày 09/7/2022 và thừa nhận của ông D tại phiên tòa thì xác định ông Bùi Hữu D có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.000.000.000 đồng. Nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ông Bùi Hữu D trả 1.000.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T cùng có nghĩa vụ trả nợ với ông Bùi Hữu D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù tại thời điểm vay tiền ông D và bà T là hai vợ chồng. Tuy nhiên tại thời điểm bà Nguyễn Thị T cho ông Bùi Hữu D vay tiền thì bà T không biết, bà T, ông D cũng khẳng định không dùng số tiền vay dùng vào các mục sinh hoạt gia đình nên không có căn cứ buộc bà T cùng có nghĩa vụ trả nợ cùng với ông D cho bà T.

[2.3]. Về lãi suất: Tại phiên tòa ông D có trình bày đã chuyển cho bà T số tiền là 600.000.000 đồng tiền lãi suất thông qua ông Hồ Huy H. Sau phiên tòa ngày 15/9/2023, ngày 19/9/2023 Tòa án đã có thông báo với ông Bùi Hữu D về việc làm thủ tục yêu cầu phản tố về việc cản trở tiền lãi và cung cấp chứng cứ nhưng ông D không thực hiện nên hội đồng xét xử không xem xét. Ông D có quyền khởi kiện yêu cầu này trong vụ án khác để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Các đương sự không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay tiền, nên căn cứ Điều 466 xác định mức lãi suất là 10%/1 năm. Do đó yêu cầu lãi suất của nguyên đơn 10%/năm là phù hợp với quy định pháp luật.

Lãi suất từ ngày 30/5/2023 đến ngày 14/5/2014 là 11 tháng 16 ngày là 10%/1 tương đương $0.83\% \times 1.000.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 95.726.666 \text{ đồng}$.

Tổng tiền nợ gốc và lãi suất là 1.095.726.666 đồng nên ông D phải trả cho bà T số tiền là 1.095.726.666 đồng.

[3.] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Do yêu cầu của nguyên đơn D chấp nhận nên giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 06/2023/QĐ-BPKCTT ngày 06/06/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4.] Ý kiến của Kiểm sát viên D hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.] Về chi phí giám định: Chi phí giám định 2.000.000 đồng ông Bùi Hữu D phải chịu. Do ông D đã đóng tạm ứng số tiền 6.000.000 đồng nên ông D không phải nộp thêm. Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản hoàn trả lại cho ông Bùi Hữu D số tiền là 4.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6.] Về án phí: Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bà T không phải chịu án phí, Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hớn Quản hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Nguyễn Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 93, 147, 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của bà Nguyễn Thị T tuyên xử:

Buộc ông Bùi Hữu D phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng và lãi suất là 95.726.666 đồng. Tổng cộng là 1.095.725.666 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người D thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2023/QĐ-BPKCTT ngày 06/6/2023 cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông Bùi Hữu D.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Hớn Quản trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền bảo đảm 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) đã đóng ngày 06/6/2023 tại tài khoản số 5616297040279 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Ông Bùi Hữu D phải chịu 44.871.769 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hớn Quản hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T T số tiền tạm ứng án phí là 21.000.000 đồng theo biên lai thu số 0014645 ngày 19/6/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hớn Quản.

[4]. Về chi phí giám định: Chi phí giám định 2.000.000 đồng ông Bùi Hữu D phải chịu. Do ông D đã đóng tạm ứng số tiền 6.000.000 đồng nên ông D không phải nộp thêm. Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản hoàn trả lại cho ông Bùi Hữu D số tiền là 4.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5]: Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận D bản án hoặc bản án D tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án D thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người D thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án D thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

HỒ VĂN THANH